

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA HÀN QUỐC HỌC**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH HÀN QUỐC HỌC**

Mã ngành: 7310614

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021, 2022)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Hàn Quốc học
 - + Tiếng Anh: Korean Studies
- Mã ngành đào tạo: 7310614
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Hàn Quốc học
 - + Tiếng Anh: Bachelor of Arts in Korean Studies
- Nơi đào tạo: Khoa Hàn Quốc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp.

3. Mục tiêu đào tạo

3.1 Mục tiêu chung: đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, và các lĩnh vực chuyên ngành về Hàn Quốc học. Ngoài ra, người tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Hàn; có phẩm chất và kỹ năng phù hợp với nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ và Hàn Quốc học; có năng lực thực hành nghề nghiệp, thích nghi và hội nhập với quốc tế.

3.2 Mục tiêu cụ thể: sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực Kiến thức và lập luận ngành

- 1.1 Kiến thức nền tảng về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn
- 1.2 Kiến thức cơ sở ngành (khu vực học)
- 1.3 Kiến thức chuyên ngành Hàn Quốc học

Phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp

2.1 Tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời

2.2 Khả năng tổ chức công việc và giải quyết vấn đề hiệu quả

2.3 Năng lực sử dụng tiếng Hàn ở trình độ TOPIK 5 hoặc KLAT 5 (tương đương bậc C1 trong khung CEFR)

2.4 Kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề chuyên môn

Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1 Kỹ năng làm việc nhóm

3.2 Kỹ năng giao tiếp

Năng lực thực hành nghề nghiệp

4.1. Năng lực hình thành ý tưởng

4.2 Năng lực lập kế hoạch

4.3 Năng lực triển khai

4.4 Năng lực đánh giá và cải tiến

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra		Trình độ năng lực (theo Thang trình độ năng lực)
1	Kiến thức và lập luận ngành		
	1.1 Kiến thức nền tảng về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn	1.1.1 Diễn giải những tri thức cơ bản về KHXH&NV (lịch sử văn minh, triết học, chính trị, tư tưởng, kinh tế - xã hội,...)	3
	1.2 Kiến thức cơ sở ngành (khu vực học)	1.2.1 Áp dụng kiến thức khu vực học vào chuyên ngành Hàn Quốc học	3
	1.3 Kiến thức chuyên ngành Hàn Quốc học	1.3.1 Vận dụng hệ thống kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Hàn Quốc trong nhiều lĩnh vực đa dạng	3
		1.3.2 Phân tích, tổng hợp hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa, kinh tế, chính trị,... Hàn Quốc học	4
2	Phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp		
	2.1 Tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời	2.1.1 Thể hiện thường xuyên trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng	4
		2.1.2 Ý thức học tập suốt đời, năng động sáng tạo và tinh thần cầu tiến	4
	2.2 Khả năng tổ chức công việc và giải quyết vấn đề hiệu quả	2.2.1 Tổ chức công việc và giải quyết vấn đề hiệu quả	4
	2.3 Năng lực sử dụng tiếng Hàn ở trình độ TOPIK 5 hoặc KLAT 5	2.3.1 Sử dụng tiếng Hàn thành thạo ở trình độ TOPIK 5 hoặc KLAT 5 (tương đương bậc C1 khung CEFR)	5

STT	Chuẩn đầu ra		Trình độ năng lực (theo Thang trình độ năng lực)
	(tương đương bậc C1 trong khung CEFR)		
	2.4 Kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề chuyên môn	2.4.1 Phân tích, tổng hợp các vấn đề chuyên môn một cách logic, toàn diện	4
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp		
	3.1 Kỹ năng làm việc nhóm	3.1.1 Tổ chức làm việc nhóm hiệu quả, vận hành và phát triển nhóm	3
	3.2 Kỹ năng giao tiếp	3.2.1 Vận dụng thành thạo tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc trong tình huống giao tiếp cụ thể	4
		3.2.2 Sử dụng thành thạo công cụ trình bày, giao tiếp đa phương tiện trong môi trường đa văn hóa	4
4	Năng lực thực hành nghề nghiệp		
	4.1 Năng lực hình thành ý tưởng	4.1.1 Đặt vấn đề để phác thảo ý tưởng: nghiên cứu, giảng dạy, kinh doanh và các nghề nghiệp khác	4
	4.2 Năng lực lập kế hoạch	4.2.1 Xây dựng kế hoạch, xác định nguồn lực, đề xuất giải pháp cho chương trình hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn	3
	4.3 Năng lực triển khai	4.3.1 Triển khai và phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn	4
	4.4 Năng lực đánh giá và cải tiến	4.4.1 Tổng hợp, báo cáo , đánh giá và đề xuất ý kiến cải tiến trong nghề nghiệp	4

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Quy trình đào tạo: căn cứ Quyết định số 268/QĐ-XHNV-ĐT, ngày 14/07/2020 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Điều kiện tốt nghiệp:
 - + Tích lũy tối thiểu 120 TC theo quy định của chương trình đào tạo
 - + Có chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK cấp 5 hoặc KLAT cấp 5 trở lên
 - + Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh, chứng chỉ Giáo dục thể chất và chứng chỉ ngoại ngữ 2 theo quy định của Trường.
 - + Tích lũy môn học Sinh hoạt đầu khóa

6. Thang điểm (theo thang điểm chính thức của trường).

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Sinh hoạt định hướng đầu khóa):

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	28	23
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	14	12
III	Kiến thức chuyên ngành	64	53
IV	Kiến thức bổ trợ	12	10
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp	2	2
	Tổng cộng	120	100

8. Nội dung chương trình đào tạo

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ		
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				28	25-26	2-3
A	Khối kiến thức chung				11	11	-
1.	DAI047	Triết học Mác-Lênin	Bắt buộc	45	3	3	-
2.	DAI048	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bắt buộc	30	2	2	-
3.	DAI049	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	30	2	2	-
4.	DAI050	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	30	2	2	-
5.	DAI051	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	30	2	2	-
B	Khối kiến thức Khoa học Tự nhiên				2	2	-
6.	DAI005	Thống kê cho khoa học xã hội	Bắt buộc	30	2	2	-
C	Khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành KHXH&NV (11TC bắt buộc, 4TC tự chọn)				15	12-13	2-3
7.	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Bắt buộc	30	2	2	-
8.	DAI013	Dẫn luận ngôn ngữ học	Bắt buộc	30	2	2	-
9.	DAI016	Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc	45	3	3	-
10.	DAI024	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	45	2	1	1

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ		
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
11.	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Bắt buộc	45	2	1	1
12.	NNH014	Ngôn ngữ học đối chiếu	Tự chọn	30	2	2	-
13.	DAI015	Thực hành văn bản tiếng Việt	Tự chọn	30	2	2	-
14.	DAI018	Hán văn cơ bản	Tự chọn	45	3	3	-
15.	DAI020	Logic học đại cương	Tự chọn	45	2	1	1
16.	DAI021	Xã hội học đại cương	Tự chọn	30	2	2	-
17.	DAI022	Tâm lý học đại cương	Tự chọn	30	2	2	-
18.	DAI023	Nhân học đại cương	Tự chọn	30	2	2	-
19.	DAI028	Chính trị học đại cương	Tự chọn	30	2	2	-
20.	DAI029	Tôn giáo học đại cương	Tự chọn	30	2	2	-
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (14TC bắt buộc)				14	9	5
21.	HQH004	Giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa	Bắt buộc	30	2	2	-
22.	HQH007.1	Kinh tế Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1
23.	HQH008.1	Lịch sử Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1
24.	HQH012	Nhập môn Hàn Quốc học	Bắt buộc	30	2	2	-
25.		Văn hóa Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1
26.	HQH039.1	Văn học Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1
27.	HQH040.1	Xã hội Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1
III	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (56TC bắt buộc, 8TC tự chọn)				64	20	44
A	Khối kiến thức ngoại ngữ (52TC bắt buộc)				52	8	44
28.	HQH097	Tiếng Hàn – Nghe Nói 1	Bắt buộc	90	3	-	3
29.	HQH032	Tiếng Hàn – Đọc 1	Bắt buộc	45	2	1	1
30.	HQH067.1	Tiếng Hàn – Viết 1 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3
31.	HQH111	Tiếng Hàn – Nghe Nói 2	Bắt buộc	90	3	-	3

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ		
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
32.	HQH033	Tiếng Hàn – Đọc 2	Bắt buộc	45	2	1	1
33.	HQH069.1	Tiếng Hàn – Viết 2 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3
34.	HQH112	Tiếng Hàn – Nghe Nói 3	Bắt buộc	90	3	-	3
35.	HQH041	Tiếng Hàn – Đọc 3	Bắt buộc	45	2	1	1
36.	HQH071.1	Tiếng Hàn – Viết 3 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3
37.	HQH113	Tiếng Hàn – Nghe Nói 4	Bắt buộc	90	3	-	3
38.	HQH042	Tiếng Hàn – Đọc 4	Bắt buộc	45	2	1	1
39.	HQH073.1	Tiếng Hàn – Viết 4 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3
40.	HQH114	Tiếng Hàn – Nghe Nói 5	Bắt buộc	90	3	-	3
41.	HQH043	Tiếng Hàn – Đọc 5	Bắt buộc	45	2	1	1
42.	HQH075.1	Tiếng Hàn – Viết 5 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3
43.	HQH115	Tiếng Hàn – Nghe Nói 6	Bắt buộc	90	3	-	3
44.	HQH044	Tiếng Hàn – Đọc 6	Bắt buộc	45	2	1	1
45.	HQH077.1	Tiếng Hàn – Viết 6 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3
46.		Tiếng Hàn nâng cao (đọc – viết)	Bắt buộc	45	2	1	1
47.		Tiếng Hàn nâng cao (nghe – nói)	Bắt buộc	45	2	1	1
B	Khối kiến thức chuyên ngành (4TC bắt buộc, 8TC tự chọn)				12	12	-
	Chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc						
48.	HQH002	Dẫn nhập tiếng Hàn	Bắt buộc	30	2	2	-
49.		Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	Bắt buộc	30	2	2	-
50.	HQH121	Cấu trúc luận tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-
51.	HQH100	Chuyên đề Hàn Quốc học	Tự chọn	30	2	2	-
52.	HQH122	Chuyên đề phương ngữ tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-
53.	HQH123	Lý luận giảng dạy tiếng nước ngoài	Tự chọn	30	2	2	-

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ		
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
54.	HQH011	Ngôn ngữ so sánh Hán Hàn – Hán Việt	Tự chọn	30	2	2	-
55.	HQH124	Ngôn ngữ so sánh Hàn Việt	Tự chọn	30	2	2	-
56.	HQH103	Ngữ âm và từ vựng tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-
57.	HQH125	Ngữ dụng học tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-
58.	HQH126	Nhập môn Hán Tự	Tự chọn	30	2	2	-
59.	HQH142	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	Tự chọn	30	2	2	-
60.	HQH127	Tâm lý giáo dục tiếng nước ngoài	Tự chọn	30	2	2	-
61.	HQH034	Tiếng Hàn thương mại	Tự chọn	30	2	2	-
62.	HQH104	Tiếng Hàn truyền thông	Tự chọn	30	2	2	-
63.	HQH106.1	Văn học và văn hóa Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
64.	HQH128	Văn học và văn hóa nghe nhìn	Tự chọn	30	2	2	-
	<i>Chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc</i>						
65.		Hàn Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa	Bắt buộc	30	2	2	-
66.		Lịch sử đời sống xã hội Hàn Quốc	Bắt buộc	30	2	2	-
67.	HQH100	Chuyên đề Hàn Quốc Học	Tự chọn	30	2	2	-
68.	HQH134	Di sản thế giới tại Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
69.	HQH135	Địa lý du lịch Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
70.	HQH009	Nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
71.	HQH142	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	Tự chọn	30	2	2	-
72.	HQH136	Tín ngưỡng và Tôn giáo ở Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
73.	HQH098	Văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
74.	HQH053	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
75.	HQH105	Văn hóa tâm lý người Hàn	Tự chọn	30	2	2	-
76.	HQH128	Văn học và Văn hóa nghe nhìn	Tự chọn	30	2	2	-

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ		
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
77.	HQH107	Xã hội đa văn hóa Hàn Quốc`	Tự chọn	30	2	2	-
	<i>Chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc</i>						
78.	HQH005	Hệ thống chính trị Hàn Quốc	Bắt buộc	30	2	2	-
79.		Quan hệ kinh tế Hàn – Việt	Bắt buộc	30	2	2	-
80.	HQH100	Chuyên đề Hàn Quốc học	Tự chọn	30	2	2	-
81.	HQH139	Lịch sử ngoại giao Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
82.	HQH108	Luật doanh nghiệp	Tự chọn	30	2	2	-
83.	HQH092	Marketing (Tiếp thị)	Tự chọn	30	2	2	-
84.	HQH142	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	Tự chọn	30	2	2	-
85.	HQH140	Quản trị doanh nghiệp	Tự chọn	30	2	2	-
86.	HQH099.1	Tổng quan về thương mại quốc tế	Tự chọn	30	2	2	-
87.	HQH053	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-
IV	KIẾN THỨC BỔ TRỢ (4TC bắt buộc, 8TC tự chọn)				12	11	1
	<i>Chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc</i>						
88.	HQH001.1	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Bắt buộc	45	2	1	1
89.	HQH129.1	Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình	Bắt buộc	30	2	2	-
90.	HQH132	Biên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-
91.	HQH090	Chuyên đề nói tiếng Hàn nâng cao (story telling)	Tự chọn	30	2	2	-
92.	HQH131	Chuyên đề Topik	Tự chọn	30	2	2	-
93.	HQH133	Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-
94.	HQH015	Phương pháp dạy tiếng	Tự chọn	30	2	2	-
95.	HQH130	Ứng dụng công nghệ trong dạy và học tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-
96.		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 1	Tự chọn	30	2	2	-
97.		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 2	Tự chọn	30	2	2	-

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ		
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
	Chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc						
98.	HQH001.1	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Bắt buộc	45	2	1	1
99.		Nghiep vụ thư ký văn phòng	Bắt buộc	30	2	2	-
100.	HQH132	Biên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-
101.	HQH131	Chuyên đề Topik	Tự chọn	30	2	2	-
102.	HQH129.1	Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình	Tự chọn	30	2	2	-
103.	HQH137	Nghiep vụ biên tập	Tự chọn	30	2	2	-
104.	DPH172	Nghiep vụ du lịch	Tự chọn	30	2	2	-
105.	DPH224	Nghiep vụ ngoại giao	Tự chọn	30	2	2	-
106.	DAI041	Nhập môn quan hệ công chúng	Tự chọn	30	2	2	-
107.	HQH133	Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-
108.		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 1	Tự chọn	30	2	2	-
109.		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 2	Tự chọn	30	2	2	-
	Chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc						
110.	HQH001.1	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Bắt buộc	45	2	1	1
111.		Nghiep vụ ngoại thương	Bắt buộc	30	2	2	-
112.	HQH132	Biên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-
113.	HQH131	Chuyên đề Topik	Tự chọn	30	2	2	-
114.	HQH129.1	Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình	Tự chọn	30	2	2	-
115.	HQH093	Nghiep vụ kế toán	Tự chọn	30	2	2	-
116.	DPH224	Nghiep vụ ngoại giao	Tự chọn	30	2	2	-
117.	HQH010	Nghiep vụ tài chính ngân hàng	Tự chọn	30	2	2	-
118.	HQH141	Nghiep vụ truyền thông báo chí	Tự chọn	30	2	2	-
119.	HQH133	Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ		
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành
120.		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 1	Tự chọn	30	2	2	-
121.		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 2	Tự chọn	30	2	2	-
V	THỰC TẬP, KHÓA LUẬN/LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP				2-10		
122.	HQH017	Thực tập thực tế	Bắt buộc	60	2	-	2
123.	HQH006	Khóa luận tốt nghiệp (*)	Tự chọn	150	10	10	-
	TỔNG SỐ (tín chỉ)				120		

(*): Điều kiện đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp: SV đủ điều kiện tốt nghiệp, điểm trung bình Khóa luận tốt nghiệp có thể dùng để thay thế 10 TC tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành (III) hoặc khối kiến thức bổ trợ (IV).

Ghi chú:

- Điều kiện đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp: SV đủ điều kiện tốt nghiệp, điểm trung bình tích lũy cho đến học kỳ 6 từ 7.5 trở lên. Tiêu chí cụ thể hằng năm do BCN khoa quyết định (trên cơ sở cân đối tỷ lệ giữa chỉ tiêu và tổng số SV)
- SV làm khóa luận tốt nghiệp được miễn 10 TC tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành (III) hoặc khối kiến thức bổ trợ (IV)
- Sinh viên phải tích lũy các chứng chỉ/học phần sau để được xét tốt nghiệp:
 - Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn TOPIK hoặc KLAT cấp 5 trở lên
 - Chứng chỉ ngoại ngữ 2 theo quy định của Trường
 - Tin học đại cương (3TC)
 - Giáo dục thể chất (5 TC)
 - Giáo dục Quốc phòng – An ninh (7TC)
 - Sinh hoạt định hướng đầu khóa (2TC)

9. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

- Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn và có khả năng học tập, nghiên cứu các ngành thuộc cùng lĩnh vực, cũng như có khả năng học tập ở những trình độ cao học về khoa học xã hội và nhân văn.

10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bố các môn học theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ			Ghi chú
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
I		(Các môn đại cương)						

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ			Ghi chú
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
(14 TC)	HQH097	Tiếng Hàn – Nghe Nói 1	Bắt buộc	90	3	-	3	
	HQH032	Tiếng Hàn – Đọc 1	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH067.1	Tiếng Hàn – Viết 1 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3	
II (18 TC)		(Các môn đại cương)						
	HQH111	Tiếng Hàn – Nghe Nói 2	Bắt buộc	90	3	-	3	
	HQH033	Tiếng Hàn – Đọc 2	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH069.1	Tiếng Hàn – Viết 2 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3	
III (16 TC)		(Các môn đại cương)						
		Giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa	Bắt buộc	30	2	2	-	
	HQH112	Tiếng Hàn – Nghe Nói 3	Bắt buộc	90	3	-	3	
	HQH041	Tiếng Hàn – Đọc 3	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH071.1	Tiếng Hàn – Viết 3 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3	
IV (16 TC)		(Các môn đại cương)						
		Nhập môn Hàn Quốc học	Bắt buộc	30	2	2	-	
	HQH008.1	Lịch sử Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH113	Tiếng Hàn – Nghe Nói 4	Bắt buộc	90	3	-	3	
	HQH042	Tiếng Hàn – Đọc 4	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH073.1	Tiếng Hàn – Viết 4 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3	
V (18 TC)	HQH007.1	Kinh tế Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1	
		Văn hóa Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH114	Tiếng Hàn – Nghe Nói 5	Bắt buộc	90	3	-	3	
	HQH043	Tiếng Hàn – Đọc 5	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH075.1	Tiếng Hàn – Viết 5 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3	

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ			Ghi chú
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
Chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc								
		Dẫn nhập tiếng Hàn	Bắt buộc	30	2	2	-	
	HQH121	Cấu trúc luận tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH123	Lý luận giảng dạy tiếng nước ngoài	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH011	Ngôn ngữ so sánh Hán-Hàn Hán-Việt	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH124	Ngôn ngữ so sánh Hàn Việt	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH126	Nhập môn Hán Tự	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH142	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH127	Tâm lý giáo dục tiếng nước ngoài	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH090	Chuyên đề nói tiếng Hàn nâng cao (story telling)	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH015	Phương pháp dạy tiếng	Tự chọn	30	2	2	-	
Chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc								
		Lịch sử đời sống xã hội Hàn Quốc	Bắt buộc	30	2	2	-	
	HQH100	Chuyên đề Hàn Quốc Học	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH134	Di sản thế giới tại Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH135	Địa lý du lịch Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH009	Nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH142	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH098	Văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH128	Văn học và văn hóa nghe nhìn	Tự chọn	30	2	2	-	
	DPH172	Nghiệp vụ du lịch	Tự chọn	30	2	2	-	
Chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc								
		Quan hệ kinh tế Hàn – Việt	Bắt buộc	30	2	2	-	

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ			Ghi chú
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
	HQH100	Chuyên đề Hàn Quốc Học	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH092	Marketing (Tiếp thị)	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH142	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH099.1	Tổng quan về thương mại quốc tế	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH093	Nghiệp vụ kế toán	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH010	Nghiệp vụ tài chính ngân hàng	Tự chọn	30	2	2	-	
	DPH224	Nghiệp vụ ngoại giao	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH141	Nghiệp vụ truyền thông báo chí	Tự chọn	30	2	2	-	
VI (18 TC)	HQH040.1	Xã hội Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH115	Tiếng Hàn – Nghe Nói 6	Bắt buộc	90	3	-	3	
	HQH044	Tiếng Hàn – Đọc 6	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH077.1	Tiếng Hàn – Viết 6 (ngữ pháp + thực hành viết)	Bắt buộc	90	3	-	3	
	Chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc							
		Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	Bắt buộc	30	2	2	-	
		Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình	Bắt buộc	30	2	2	-	
	HQH100	Chuyên đề Hàn Quốc Học	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH103	Ngữ âm và từ vựng tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH125	Ngữ dụng học tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH034	Tiếng Hàn thương mại	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH104	Tiếng Hàn truyền thông	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH106.1	Văn học và văn hóa Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH128	Văn học và văn hóa nghe nhìn	Tự chọn	30	2	2	-	
	Chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc							

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ			Ghi chú
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
		Hàn Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa	Bắt buộc	30	2	2	-	
		Nghiệp vụ thư ký văn phòng	Bắt buộc	30	2	2	-	
	HQH136	Tín ngưỡng và Tôn giáo ở Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH053	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH105	Văn hóa tâm lý người Hàn	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH107	Xã hội đa văn hóa Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	DPH224	Nghiệp vụ ngoại giao	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH137	Nghiệp vụ biên tập	Tự chọn	30	2	2	-	
	<i>Chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc</i>							
		Hệ thống chính trị Hàn Quốc	Bắt buộc	30	2	2	-	
		Nghiệp vụ ngoại thương	Bắt buộc	30	2	2	-	
	HQH139	Lịch sử ngoại giao Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH140	Quản trị doanh nghiệp	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH053	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	Tự chọn	30	2	2	-	
VII (12 TC)	HQH039.1	Văn học Hàn Quốc	Bắt buộc	45	2	1	1	
		Tiếng Hàn nâng cao (nghe - nói)	Bắt buộc	45	2	1	1	
		Tiếng Hàn nâng cao (đọc – viết)	Bắt buộc	45	2	1	1	
		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 1	Tự chọn	30	2	2	-	
	<i>Chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc</i>							
	HQH001.1	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH122	Chuyên đề phương ngữ tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH130	Ứng dụng công nghệ trong dạy và học tiếng Hàn	Tự chọn	30	2	2	-	

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Loại MH	Số tiết	Tín chỉ			Ghi chú
					Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
	HQH131	Chuyên đề Topik	Tự chọn	30	2	2	-	
	<i>Chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc</i>							
	HQH001.1	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Bắt buộc	45	2	1	1	
	DAI041	Nhập môn quan hệ công chúng	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH131	Chuyên đề Topik	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH129.1	Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình	Tự chọn	30	2	2	-	
	<i>Chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc</i>							
	HQH001.1	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Bắt buộc	45	2	1	1	
	HQH108	Luật doanh nghiệp	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH131	Chuyên đề Topik	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH129.1	Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình	Tự chọn	30	2	2	-	
VIII (8 TC)		Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 2	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH014	Thực tập thực tế	Bắt buộc	60	2	-	2	
	HQH132	Biên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-	
	HQH133	Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao	Tự chọn	30	2	2	-	
TỔNG					120			

11. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra

Học kỳ	Tên môn học	1				2					3			4			
		1.1	1.2	1.3		2.1		2.2	2.3	2.4	3.1	3.2		4.1	4.2	4.3	4.4
		1.1.1	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.3.1	2.4.1	3.1.1	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.3.1	4.4.1
I	Tiếng Hàn – Nghe Nói 1			T3		T3	T3		T3					T2			
	Tiếng Hàn – Đọc 1			T3			T3		T3								
	Tiếng Hàn – Viết 1 (ngữ pháp + thực hành viết)			T3			T3		T3					T2			
II	Tiếng Hàn – Nghe Nói 2			T3		T3	T3		T3					T2			
	Tiếng Hàn – Đọc 2			T3			T3		T3								
	Tiếng Hàn – Viết 2 (ngữ pháp + thực hành viết)			T3			T3		T3					T2			
III	Giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa		T3	T3	T4						T3					T3	
	Tiếng Hàn – Nghe Nói 3			T3			T3		T3					T3			
	Tiếng Hàn – Đọc 3			T3			T3		T3			T3					
	Tiếng Hàn – Viết 3 (ngữ pháp + thực hành viết)			T3			T3		T3					T3			
IV	Nhập môn Hàn Quốc học		T3	T3			T3			T4	T3	T3	T3	T4			
	Lịch sử Hàn Quốc		T3		T4					T3	T3						
	Tiếng Hàn – Nghe Nói 4			T3			T3		T3		T3	T3		T3			
	Tiếng Hàn – Đọc 4			T3			T3		T3								
	Tiếng Hàn – Viết 4 (ngữ pháp + thực hành viết)			T3		T3	T3		T3					T3			
V	Kinh tế Hàn Quốc		T3		T4					T4	T3			T4			
	Văn hóa Hàn Quốc	T4	T4	T4	T4					T4	T3	T3	T4	T4			
	Tiếng Hàn – Nghe Nói 5			T3			T3		T4			T3					
	Tiếng Hàn – Đọc 5			T3			T3		T4			T3					
	Tiếng Hàn – Viết 5			T3			T3		T4					T4			

Học kỳ	Tên môn học	1				2				3			4				
		1.1	1.2	1.3		2.1		2.2	2.3	2.4	3.1	3.2		4.1	4.2	4.3	4.4
		1.1.1	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.3.1	2.4.1	3.1.1	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.3.1	4.4.1
	(ngữ pháp + thực hành viết)																
	Dẫn nhập tiếng Hàn			T3	T4					T3	T3						
	Cấu trúc luận tiếng Hàn			T3	T3		T3				T3						
	Lý luận giảng dạy tiếng nước ngoài			T3	T3		T3				T3						
	Ngôn ngữ so sánh Hán-Hàn Hán-Việt			T3	T3		T3				T3						
	Ngôn ngữ so sánh Hàn Việt			T3	T3		T3				T3						
	Nhập môn Hán Tự			T3	T3		T3				T3						
	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành		T3		T4			T3	T4				T3	T3	T3	T4	T4
	Tâm lý giáo dục tiếng nước ngoài			T3	T3		T3				T3						
	Chuyên đề nói tiếng Hàn nâng cao (story telling)			T3	T3		T3				T3						
	Phương pháp dạy tiếng			T3		T3									T3	T4	
	Lịch sử đời sống xã hội Hàn Quốc		T3		T4						T3						
	Chuyên đề Hàn Quốc Học			T3		T3					T3	T3					
	Di sản thế giới tại Hàn Quốc			T3		T3					T3	T3					
	Địa lý du lịch Hàn Quốc			T3		T3					T3	T3					
	Nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc			T3		T3					T3	T3					
	Văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa Hàn Quốc			T3		T3					T3	T3					
	Văn học và văn hóa nghe nhìn			T3		T3					T3	T3					
	Nghiep vụ du lịch			T3				T3					T3		T3	T4	T4
	Quan hệ kinh tế Hàn – Việt		T3		T3					T4	T3			T4			
	Marketing (Tiếp thị)			T3		T3					T3	T3					

Học kỳ	Tên môn học	1				2				3			4				
		1.1	1.2	1.3		2.1		2.2	2.3	2.4	3.1	3.2		4.1	4.2	4.3	4.4
		1.1.1	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.3.1	2.4.1	3.1.1	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.3.1	4.4.1
	Tổng quan về thương mại quốc tế	T3			T3					T3	T3						
	Nghệp vụ kế toán	T3								T3	T3		T3				
	Nghệp vụ tài chính ngân hàng	T3								T3	T3		T3				
	Nghệp vụ ngoại giao	T3								T3	T3		T3				
	Nghệp vụ truyền thông báo chí			T3				T3					T3		T3	T4	T4
	VI	Xã hội Hàn Quốc		T3		T4					T4	T3			T4		
Tiếng Hàn – Nghe Nói 6				T3			T3		T5		T3	T4					
Tiếng Hàn – Đọc 6				T3			T3		T5		T3	T4	T3				
Tiếng Hàn – Viết 6 (ngữ pháp + thực hành viết)				T3		T4	T4		T5			T4		T4			
Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc				T3						T3		T3					
Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình				T3				T3					T4		T3	T4	T4
Ngữ âm và từ vựng tiếng Hàn				T3	T3		T3				T3						
Ngữ dụng học tiếng Hàn				T3	T3		T3				T3						
Tiếng Hàn thương mại				T3	T3							T4					
Tiếng Hàn truyền thông				T3	T3							T4					
Văn học và văn hóa Hàn Quốc				T3		T3					T3	T3					
Hàn Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa			T4		T3					T4	T3			T4			
Nghệp vụ thư ký văn phòng				T3				T3					T3		T3	T4	T4
Tín ngưỡng và tôn giáo ở Hàn Quốc				T3	T4					T4	T3						
Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc				T4	T4					T4	T3	T4		T4		T4	
Văn hóa tâm lý người Hàn				T4	T4					T4	T3	T4		T4		T4	

Học kỳ	Tên môn học	1				2					3			4			
		1.1	1.2	1.3		2.1		2.2	2.3	2.4	3.1	3.2		4.1	4.2	4.3	4.4
		1.1.1	1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.3.1	2.4.1	3.1.1	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.3.1	4.4.1
	Xã hội đa văn hóa Hàn Quốc			T4	T4					T4	T3	T4		T4		T4	
	Nghị vụ ngoại giao	T3						T3							T3	T4	T4
	Nghị vụ biên tập			T3				T3					T3		T3	T4	T4
	Hệ thống chính trị Hàn Quốc		T3		T4												
	Nghị vụ ngoại thương	T3						T3							T3	T4	T4
	Lịch sử ngoại giao Hàn Quốc			T3		T3					T3	T3					
	Quản trị doanh nghiệp			T3		T3					T3	T3					
	VIII	Văn học Hàn Quốc		T4		T4					T4	T4			T4		
Tiếng Hàn nâng cao (nghe - nói)				T3			T3		T5		T3	T4					
Tiếng Hàn nâng cao (đọc – viết)				T3		T4	T4		T5		T3	T4	T3	T4			
Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 1			T3	T3			T3										
Biên phiên dịch tiếng Hàn				T3				T4			T3					T3	
Chuyên đề phương ngữ tiếng Hàn				T3	T3		T3				T3						
Ứng dụng công nghệ trong dạy và học tiếng Hàn				T3	T3		T3				T3						
Chuyên đề Topik				T3	T3		T3				T3						
Nhập môn quan hệ công chúng		T3			T3					T3	T3						
Luật doanh nghiệp				T3		T3					T3	T3					
Tiếng Anh ứng dụng Hàn Quốc học 2			T3	T3			T3										
Thực tập thực tế						T4		T4				T4	T4	T4	T4	T4	T4
Biên dịch tiếng Hàn nâng cao				T3				T4			T3					T3	
Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao				T3				T4			T3					T3	

12. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học

1. Triết học Mác – Lênin

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp những hiểu biết cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, xác lập cơ sở lý luận để có thể tiếp cận nội dung các môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; từng bước thiết lập thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Triết học Mác - Lênin
- Nội dung môn học: bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Triết học Mác - Lênin
- Nội dung môn học: học phần có 7 chương, gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người

6. Thống kê cho khoa học xã hội

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: gồm các kiến thức về xác suất và thống kê có liên quan chặt chẽ về nội dung như đại cương về lý thuyết xác suất giới thiệu một số khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất, một số công thức tính xác suất quan trọng, những khái niệm về đại lượng ngẫu nhiên và các tính chất của chúng, những phân phối xác suất thông dụng

7. Cơ sở văn hóa Việt Nam

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những vấn đề khái quát về văn hóa, diễn trình, các phân vùng và đặc điểm Văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực; nhằm giáo dục ý thức giữ gìn phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi tiếp biến giao lưu với bên ngoài

8. Dẫn luận ngôn ngữ

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ; đồng thời, cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp, ngữ dụng...

9. Lịch sử văn minh thế giới

- Số tín chỉ: 3

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.

10. Pháp luật đại cương

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: bao gồm các nội dung về các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm: cấu trúc của hệ thống pháp luật, các điều kiện làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, các kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng

11. Phương pháp nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp cho người học kiến thức căn bản về nghiên cứu khoa học, cách thu thập tài liệu, xây dựng đề cương và triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu, viết báo cáo và bài báo khoa học.

12. Ngôn ngữ học đối chiếu

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: lịch sử phát triển ngành ngôn ngữ học đối chiếu, nhiệm vụ và mục đích của ngôn ngữ học đối chiếu, các phương pháp đối chiếu ngôn ngữ, những nguyên tắc đối chiếu

13. Thực hành văn bản tiếng Việt

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về văn bản tiếng Việt tạo điều kiện cho sinh viên có những kiến thức vững chắc để có thể soạn thảo các loại văn bản tiếng Việt thông dụng (văn bản khoa học, văn bản hành chính...); rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách, kỹ năng soạn thảo văn bản

14. Hán văn cơ bản

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: trình bày về nguồn gốc và diễn biến của văn tự Hán qua các thời kỳ phát triển, cách viết chữ Hán, hệ thống bộ thủ, cách tra các loại tự điển, những đặc điểm tiêu biểu về từ pháp, cú pháp trong Cổ văn

15. Logic học đại cương

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Mệnh đề, các phép toán logic; hàm mệnh đề; khái niệm và quan hệ giữa các khái niệm; các công thức, quy tắc suy luận; các phép suy luận, suy diễn; phương pháp chứng minh, bác bỏ và giả thuyết.

16. Xã hội học đại cương

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: nhập môn xã hội học: những kiến thức cơ bản về môn xã hội học; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học; sơ lược về sự hình thành, phát triển của xã hội học

17. Tâm lý học đại cương

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: giới thiệu những quy luật chung nhất trong sự hình thành, phát triển và vận hành tâm lý người, sự vận dụng vào sự phát triển con người toàn diện

18. Nhân học đại cương

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và các lĩnh vực nghiên cứu của nhân học sau khi kết thúc môn học; giúp sinh viên ngành KHXH&NV nâng cao trình độ kiến thức nhân học và phương pháp nghiên cứu liên ngành

19. Chính trị học đại cương

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: trình bày nội dung cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn chính trị học; trình bày có hệ thống và khoa học các nội dung kiến thức về chính trị học; phân tích, so sánh các tư tưởng chính trị trên thế giới, tư tưởng chính trị Việt Nam

20. Tôn giáo học đại cương

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: giới thiệu những vấn đề chung về tôn giáo và tôn giáo học, trong đó nêu định nghĩa về tôn giáo, tôn giáo học với tư cách là một khoa học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng và các hình thức tồn tại của tôn giáo trong lịch sử; tìm hiểu về tình hình tôn giáo trên thế giới và ở Việt Nam bao gồm các tôn giáo thế giới, các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam.

21. Giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: trên cơ sở những lý luận khái quát về giao tiếp và văn hóa giao tiếp, đi sâu vào những nguyên tắc và những kỹ năng cơ bản để giao tiếp hiệu quả; trên cơ sở những lý luận khái quát về giao tiếp liên văn hóa và văn hóa so sánh, phân tích đặc điểm giao tiếp liên văn hóa (trường hợp Việt - Hàn) từ góc độ bản sắc, tính cách dân tộc; phân tích loại hình các quan hệ giao tiếp liên văn hóa (trường hợp Việt - Hàn) trong những bối cảnh, môi trường cụ thể như giao tiếp cá nhân, giao tiếp công sở, giao tiếp kinh doanh, giao tiếp sư phạm

22. Kinh tế Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: tìm hiểu về sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc qua các thời kỳ (thời kỳ sau 1930 đến trước nội chiến, giai đoạn sau nội chiến khôi phục và phát triển kinh tế cho đến hiện nay), phong trào Saemaul, các tập đoàn kinh tế Chaebol của Hàn Quốc; tìm hiểu về kinh tế Hàn Quốc hiện đại và hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc

23. Lịch sử Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 3, Đọc 3 và Viết 3
- Nội dung môn học: giới thiệu các vấn đề lịch sử chủ yếu xảy ra trong tiến trình lịch sử Hàn Quốc; các giai đoạn lịch sử của Hàn Quốc có so sánh đối chiếu với các giai đoạn lịch sử Việt Nam

24. Nhập môn Hàn Quốc học

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiên cứu Hàn Quốc học để sinh viên có khả năng nghiên cứu đề tài Hàn Quốc học

25. Văn hóa Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Hàn Quốc để từ đây có cái nhìn tổng quan về đất nước, con người Hàn Quốc, đồng thời so sánh để tìm ra những nét tương đồng và khác biệt với văn hóa Việt Nam

26. Văn học Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử văn học Hàn Quốc từ văn học dân gian đến văn học viết qua các thời kỳ từ cổ đại đến đương đại, giới thiệu các tác giả, tác phẩm, thể loại tiêu biểu nhất của từng thời kỳ

27. Xã hội Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội hiện đại Hàn Quốc để từ đây có cái nhìn tổng quan về đất nước, con người Hàn Quốc, quá trình phát triển trên các mặt khác nhau. Trong quá trình tìm hiểu về xã hội Hàn Quốc, sinh viên sẽ nhìn ra được con đường phát triển của Việt Nam và những nước tương đồng về văn hóa

28. Tiếng Hàn – Nghe Nói 1

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp kiến thức cơ bản nhất về bảng chữ cái tiếng Hàn, từ vựng cơ bản thuộc trình độ sơ cấp, cũng như ngữ pháp và các cách biểu hiện từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan đến một số chủ đề cơ bản; rèn luyện kỹ năng Nghe và Nói những hội thoại cơ bản thuộc trình độ sơ cấp

29. Tiếng Hàn – Đọc 1

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan đến một số chủ đề cơ bản; rèn luyện kỹ năng đọc hiểu ở trình độ vỡ lòng

30. Tiếng Hàn – Viết 1 (ngữ pháp + thực hành viết)

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chữ cái tiếng Hàn, từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc, cách diễn đạt sơ cấp khi viết tiếng Hàn trong nhiều tình huống cụ thể liên quan đến đời sống thường ngày; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết thành thạo các câu và đoạn văn tiếng Hàn cơ bản trong các văn cảnh đơn giản, tương đương với trình độ Topik 1; giúp sinh viên hình thành ý thức luyện tập viết thường xuyên nhằm nâng cao năng lực viết tiếng Hàn

31. Tiếng Hàn – Nghe Nói 2

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 1
- Nội dung môn học: cung cấp vốn từ, cách diễn đạt, luyện kỹ năng nghe và một phần kỹ năng nghe - dịch cho người học ở trình độ tương đương sơ cấp 2 với các chủ đề đa dạng; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phát âm, giao tiếp, thuyết trình bằng tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp và cận trung cấp

32. Tiếng Hàn – Đọc 2

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Đọc 1
- Nội dung môn học: cung cấp từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan tới một số chủ đề cơ bản; rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở trình độ sơ cấp

33. Tiếng Hàn – Viết 2 (ngữ pháp + thực hành viết)

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Viết 1
- Nội dung môn học: Cung cấp kiến thức viết Tiếng Hàn về vốn từ vựng, ngữ pháp, cách diễn đạt tương ứng với cấp độ viết sơ cấp 2 với các dạng bài: văn tường thuật, lập kế hoạch, thư mời, giới thiệu, bài cảm nhận, viết thư, thắc mắc và yêu cầu, văn miêu tả qua các chủ đề đơn giản như công việc thường ngày, lập kế hoạch, gửi thư mời, viết thư thăm hỏi, viết thông báo, bài cảm nhận sau khi đi du lịch, sở thích, miêu tả người và đồ vật,...; bồi dưỡng ý thức chủ động, năng lực sáng tạo của sinh viên khi tìm ý và triển khai ý tưởng, từ đó khuyến khích ý thức học tập suốt đời cho sinh viên.

34. Tiếng Hàn – Nghe Nói 3

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 2
- Nội dung môn học: cung cấp vốn từ, cách diễn đạt, luyện kỹ năng nghe và một phần kỹ năng nghe - dịch cho người học ở trình độ tương đương trung cấp 1 với các chủ đề đa dạng; hướng dẫn kỹ năng, chiến lược nói tùy theo mục đích diễn đạt, trình bày, hỏi đáp, giao tiếp, luyện tập nói, giao tiếp liên quan đến các chủ đề, tình huống giao tiếp thông dụng, tương đương trình độ trung cấp 1.

35. Tiếng Hàn – Đọc 3

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học tiếng Hàn – Đọc 2
- Nội dung môn học: cung cấp một số lượng từ vựng nhất định cùng các kiến thức, văn hóa Hàn Quốc liên quan đến nhiều lĩnh vực đa dạng, giúp sinh viên thích thú với tiếng Hàn, thích tìm hiểu văn hóa xã hội Hàn Quốc qua vốn tiếng Hàn vừa học được, có thái độ tự tin, tích cực đối với môn học

36. Tiếng Hàn – Viết 3 (ngữ pháp + thực hành viết)

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Viết 2
- Nội dung môn học: cung cấp từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan đến một số chủ đề cơ bản; rèn luyện kỹ năng viết ở trình độ sơ trung cấp.

37. Tiếng Hàn – Nghe Nói 4

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 3

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên từ vựng, cách diễn đạt, kiến thức liên quan đến những chủ đề khác nhau, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng nghe để dịch Hàn-Việt với nhiều nội dung khác nhau như hội thoại, tin tức, phim ảnh, âm nhạc; hướng dẫn kỹ năng, chiến lược nói tùy theo mục đích diễn đạt, nhận xét, thể hiện ý kiến cá nhân, luyện phát âm, tập nói theo chủ đề, tình huống giao tiếp tương đương trình độ trung cấp 2

38. Tiếng Hàn – Đọc 4

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Đọc 3
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên một lượng lớn từ vựng, mẫu câu, kiến thức về đất nước và con người Hàn Quốc thông qua 10 chủ đề về tự nhiên, cuộc sống, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội... đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc báo, tạp chí, và nhiều thể loại văn bản, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, phát biểu ý kiến ở trình độ Trung cấp 2

39. Tiếng Hàn – Viết 4 (ngữ pháp + thực hành viết)

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Viết 3
- Nội dung môn học: giới thiệu cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp trung cấp 2, ôn tập lại quy trình viết văn bản tiếng Hàn, luyện tập sửa bài viết và cách viết giấy wongoji (bản thảo) tiếng Hàn, cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết, ngữ pháp dùng trong ngữ cảnh viết, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết trong nhiều văn phong khác nhau

40. Tiếng Hàn – Nghe Nói 5

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4
- Nội dung môn học: cung cấp vốn từ, cách diễn đạt, luyện kỹ năng nghe và một phần kỹ năng nghe - dịch cho người học ở trình độ tương đương cao cấp 1 với các chủ đề đa dạng. Người học sau khi hoàn thành học phần sẽ có kỹ năng vận dụng để thực hành nghe và trải nghiệm được các loại hình cấu trúc nghe khác nhau; hướng dẫn kỹ năng, chiến lược nói tùy theo mục đích phát biểu, kiến nghị, nêu ý kiến phản đối hoặc tán thành, thảo luận, luyện tập nói theo chủ đề, tình huống giao tiếp xã hội hoặc nghiệp vụ tương đương trình độ cao cấp 1

41. Tiếng Hàn – Đọc 5

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Đọc 4
- Nội dung môn học: cung cấp từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan đến một số chủ đề nâng cao về văn hóa, xã hội, chính trị,... từ các nguồn mang tính học thuật cao, gắn liền thực tiễn, cung cấp hiểu biết sâu về đất nước, con người, kinh tế - văn hóa - xã hội Hàn Quốc

42. Tiếng Hàn – Viết 5 (ngữ pháp + thực hành viết)

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan đến một số chủ đề cao cấp 1; rèn luyện kỹ năng viết ở trình độ cao cấp 1

43. Tiếng Hàn – Nghe Nói 6

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 5
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên từ vựng, cách diễn đạt, kiến thức liên quan đến những chủ đề khác nhau ở trình độ cao cấp, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe để phân tích và dịch Hàn-Việt ở các nội dung có thời lượng dài; hướng dẫn kỹ năng, chiến lược nói tùy theo nhiều mục đích ở mức độ phức tạp như giới thiệu, tư vấn, đánh giá, suy luận, biểu hiện cảm xúc...; luyện tập diễn đạt theo chủ đề, tình huống giao tiếp tương đương trình độ cao cấp 2

44. Tiếng Hàn – Đọc 6

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Đọc 5
- Nội dung môn học: cung cấp các nội dung, biểu hiện ngôn ngữ tiếng Hàn cần thiết cho người học tiếng Hàn ở trình độ cao cấp về các lĩnh vực nghệ thuật, kinh tế, tư tưởng, chính trị...; rèn luyện kỹ năng đọc thành thạo nhiều loại văn bản tiếng Hàn tương đương với trình độ Topik 5

45. Tiếng Hàn – Viết 6 (ngữ pháp + thực hành viết)

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Viết 5
- Nội dung môn học: luyện tập sửa bài viết và cách viết giấy wongoji (bản thảo) tiếng Hàn; giới thiệu cho sinh viên các hình thức viết bài văn kiến nghị, tư vấn, yêu cầu, luyện viết văn nghị luận và báo cáo theo từng mục đích cụ thể (trong học tập, nghiên cứu, công tác) và phát triển thành bài nghiên cứu khoa học

46. Tiếng Hàn nâng cao (đọc – viết)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Đọc 6 và Tiếng Hàn – Viết 6
- Nội dung môn học:

47. Tiếng Hàn nâng cao (nghe – nói)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 6
- Nội dung môn học:

48. Dẫn nhập tiếng Hàn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: giới thiệu khối kiến thức ngôn ngữ học tiếng Hàn tổng quát trong các lĩnh vực chính là ngữ âm, ngữ pháp (hình thái và cú pháp), ngữ nghĩa, từ vựng..., trang bị cho sinh viên ngành Hàn Quốc học những kiến thức cơ bản về mặt ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng, văn tự, phương ngôn, kính ngữ... của tiếng Hàn.

49. Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: bao gồm các nội dung ngôn ngữ có liên quan đến văn hóa Hàn Quốc. Qua một số chủ đề về văn hóa Hàn Quốc có liên quan đến văn hóa, sinh viên sẽ tự điều tra quan sát, thảo luận để tìm hiểu về văn hóa và ngôn ngữ Hàn Quốc

50. Cấu trúc luận tiếng Hàn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thành phần câu trong tiếng Hàn, rèn luyện cho sinh viên cách phân tích một câu đơn, câu ghép và cách yếu tố cốt yếu tạo nên một câu trong tiếng Hàn, từ đó sẽ giúp cho sinh viên trong vấn đề hướng đến viết câu, nói câu và đọc câu chuẩn như một người bản ngữ

51. Chuyên đề Hàn Quốc học (chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp một số mảng kiến thức liên quan đến văn hóa ngôn ngữ Hàn, nắm được những nội dung văn hóa ngôn ngữ được dạy trong chuyên đề, củng cố kiến thức về văn hóa ngôn ngữ tiếng Hàn; biết ứng dụng các kiến thức đã học trong các kỹ năng tiếng Hàn, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Hàn; có cái nhìn đúng đắn và thái độ phù hợp về văn hóa ngôn ngữ Hàn

52. Chuyên đề phương ngữ tiếng Hàn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng của phương ngữ tiếng Hàn đối với các vùng miền so với tiếng chuẩn; vận dụng sự hiểu biết của mình để giải thích những hiện tượng quy luật ngôn ngữ đặc trưng vùng miền của tiếng Hàn

53. Lý luận giảng dạy tiếng nước ngoài

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp kiến thức tổng quan về các lý thuyết, học thuyết và lý luận về việc giảng dạy ngôn ngữ, nắm được ưu nhược điểm của từng học thuyết, lý luận; áp dụng kiến thức lý thuyết để so sánh, đối chiếu với thực tế giảng dạy, từ đó rút ra bài học, kim chỉ nam cho bản thân để có thể lên kế hoạch giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng kỹ năng/ môn học giảng dạy ngoại ngữ.

54. Ngôn ngữ so sánh Hán Hàn – Hán Việt

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: những vấn đề lý luận chung về ngôn ngữ học so sánh và từ vựng gốc Hán; so sánh, đối chiếu tìm sự giống nhau và khác nhau về mặt ngữ âm và ngữ nghĩa của từ Hán – Hàn và từ Hán – Việt.

55. Ngôn ngữ so sánh Hàn – Việt

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học:

56. Ngữ âm và từ vựng tiếng Hàn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng tiếng Hàn từ các thuật ngữ ngôn ngữ học đến các quy luật, đặc điểm hình thành, các quy tắc cơ bản của chúng, vận dụng sự hiểu biết của mình để giải thích những hiện tượng quy luật ngôn ngữ đặc trưng của tiếng Hàn

57. Ngữ dụng học tiếng Hàn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học, đưa ngôn ngữ vào trong ngữ cảnh câu văn, hoàn cảnh nói để hiểu chính xác ý đồ của người phát ngôn câu văn đó, từ đó không những giúp cho sinh viên hiểu rõ nội dung giao tiếp mà sẽ hiểu rõ hơn những nguyên lý và chiến lược hình thành câu tiếng Hàn, nâng trình độ tiếng Hàn lên

58. Nhập môn Hán tự

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4

- Nội dung môn học: giới thiệu chung về chữ Hán trong tiếng Hàn, khái niệm bộ thủ, cách tra từ điển Hán Hàn, cách viết chữ Hán, đọc và viết 132 chữ Hán theo 12 chủ đề, đọc các câu tiếng Hàn có chữ Hán đã học

59. Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành (chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Nội dung môn học: giúp sinh viên hiểu ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học và bước đầu làm quen với công việc nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Hàn Quốc học; cung cấp các nguyên tắc và kinh nghiệm trong việc nhận dạng các chủ đề nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp nghiên cứu thích hợp, phương thức thu thập thông tin định lượng và định tính, các hướng dẫn trong việc xử lý thông tin và các nguyên tắc trình bày kết quả và phân tích vấn đề

60. Tâm lý giáo dục tiếng nước ngoài

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tâm lý học đại cương
- Nội dung môn học: cung cấp kiến thức tổng quan về bản chất tâm lý của ngoại ngữ và quá trình cá nhân nhận thức và lĩnh hội một ngoại ngữ, nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho việc đề ra định hướng, mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện cũng như hình thức tổ chức dạy và học ngoại ngữ

61. Tiếng Hàn thương mại

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Hàn chuyên ngành trong các lĩnh vực đa dạng như tài chính, xây dựng, marketing, v.v... cũng như kỹ năng đọc hiểu và giải thích các bài báo kinh tế

62. Tiếng Hàn truyền thông

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức về thể loại văn bản truyền thông, giúp sinh viên ứng dụng để hiểu các đề tài đa dạng trên các phương tiện truyền thông như báo chí, tin tức, phim tài liệu, phim truyền hình, phim điện ảnh, chương trình giải trí với các chủ đề đa dạng ở các lĩnh vực: chính trị, xã hội, quốc tế, văn hóa, giáo dục, kinh tế, môi trường

63. Văn học và văn hóa Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, chức năng và mối quan hệ giữa văn học và văn hóa; bối cảnh hình thành bản sắc dân tộc trong văn học Hàn Quốc; bản sắc văn hóa dân tộc Hàn trong văn học qua một số tác phẩm tiêu biểu

64. Văn học và văn hóa nghe nhìn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp hiểu biết cho sinh viên về đặc điểm, chức năng, mối quan hệ giữa văn học và văn hóa nghe nhìn; mối quan hệ giữa văn học với văn hóa nghe nhìn Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại; văn học ứng dụng của Hàn Quốc; con đường toàn cầu hóa văn học và văn hóa nghe nhìn Hàn Quốc

65. Hàn Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Xã hội Hàn Quốc
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội hiện đại Hàn Quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa để từ đây có cái nhìn tổng quan về đất nước, con người Hàn Quốc, quá trình phát triển trên các mặt khác nhau; trong quá trình tìm hiểu về xã hội Hàn Quốc trong bối cảnh toàn cầu, sinh viên sẽ nhìn ra được con đường phát triển của Việt Nam và những nước tương đồng về văn hóa

66. Lịch sử đời sống xã hội Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Lịch sử Hàn Quốc
- Nội dung môn học: tìm hiểu về phân kỳ lịch sử Hàn Quốc, cấu trúc xã hội và văn hoá Hàn Quốc tương ứng với từng phân kỳ; tham gia phát biểu, thảo luận về các chủ đề/ vấn đề xã hội Hàn Quốc tương ứng với từng phân kỳ; sinh viên đối chiếu và so sánh với các đặc trưng văn hoá xã hội Việt Nam

67. Chuyên đề Hàn Quốc học (chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về chế độ hôn nhân gia đình và thân tộc của Hàn Quốc, giúp sinh viên có thể thực hiện tốt vai trò cầu nối trong việc giải quyết các vấn đề trong hôn nhân Hàn - Việt

68. Di sản thế giới tại Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về di sản thế giới và các loại hình di sản thế giới tại Hàn Quốc để sinh viên có thể hiểu và đánh giá được giá trị phổ quát và giá trị đặc thù của những di sản văn hóa thế giới tại Hàn Quốc

69. Địa lý du lịch Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Văn hóa Hàn Quốc, Xã hội Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc và Nhập môn Hàn Quốc học

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và phương pháp nghiên cứu về địa lý du lịch Hàn Quốc để từ đó có được cái nhìn sâu sắc hơn về đất nước và con người Hàn Quốc, tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa địa lý du lịch Hàn Quốc với địa lý du lịch Việt Nam và các quốc gia khác

70. Nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Văn hóa Hàn Quốc, Xã hội Hàn Quốc và Lịch sử Hàn Quốc

- Nội dung môn học: giới thiệu về đặc điểm chung và những loại hình nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc, từ đó, cung cấp hướng nghiên cứu văn hóa nghệ thuật Hàn Quốc cho sinh viên

71. Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Phương pháp nghiên cứu khoa học

- Nội dung môn học: giúp sinh viên hiểu ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học và bước đầu làm quen với công việc nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Hàn Quốc học; cung cấp các nguyên tắc và kinh nghiệm trong việc nhận dạng các chủ đề nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp nghiên cứu thích hợp, phương thức thu thập thông tin định lượng và định tính, các hướng dẫn trong việc xử lý thông tin và các nguyên tắc trình bày kết quả và phân tích vấn đề

72. Tín ngưỡng và tôn giáo ở Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: tìm hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo Hàn Quốc, lý thuyết về tôn giáo, tín ngưỡng bản địa, đạo Shaman, Nho giáo, Phật giáo, Công giáo, Tin lành...

73. Văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Nhập môn Hàn Quốc học, Văn hóa Hàn Quốc và Xã hội Hàn Quốc

- Nội dung môn học: lý luận, lý thuyết tiếp cận văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa; quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm, vai trò, tác động của văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa Hàn Quốc; ảnh hưởng của văn hóa đại chúng và công nghiệp văn

hóa Hàn Quốc đối với Việt Nam; kinh nghiệm phát triển và quản lý văn hóa đại chúng và công nghiệp văn hóa đại chúng của Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam

74. Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Văn hóa Hàn Quốc và Xã hội Hàn Quốc
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức về bản chất cấu thành văn hóa trong doanh nghiệp; vai trò, ảnh hưởng, chức năng của văn hóa trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp; các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa và những khía cạnh sâu xa của văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp Hàn Quốc; nắm được cơ cấu quản lý, và vận hành trong doanh nghiệp Hàn Quốc, cách hành xử trong doanh nghiệp, lý do văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên bản sắc, và sự thành công của doanh nghiệp

75. Văn hóa tâm lý người Hàn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Văn hóa Hàn Quốc và Xã hội Hàn Quốc
- Nội dung môn học: giúp sinh viên hiểu và lý giải được những đặc điểm văn hóa tâm lý người Hàn Quốc, vận dụng được các kiến thức này trong giao tiếp và làm việc với người Hàn Quốc.

76. Văn học và văn hóa nghe nhìn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Văn hóa Hàn Quốc
- Nội dung môn học: giúp sinh viên hiểu và lý giải được những đặc điểm văn hóa tâm lý người Hàn Quốc, vận dụng được các kiến thức này trong giao tiếp và làm việc với người Hàn Quốc

77. Xã hội đa văn hóa Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Cơ sở văn hóa Việt Nam và Văn hóa Hàn Quốc
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết về chủ nghĩa đa văn hóa trên thế giới, và cụ thể là đề tài đa văn hóa trong xã hội Hàn Quốc hiện đại; giúp sinh viên hiểu biết và có cái nhìn khách quan, thái độ tích cực với người nhập cư, gia đình đa văn hóa, “con lai”...

78. Hệ thống chính trị Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Lịch sử Hàn Quốc
- Nội dung môn học: sinh viên học về phân kỳ lịch sử Hàn Quốc, cấu trúc chính trị và đặc trưng văn hoá chính trị Hàn Quốc tương ứng với từng thời kỳ tổng thống; sinh viên tham gia phát biểu, thảo luận về các chủ đề, vấn đề chính trị Hàn Quốc tương ứng với từng

thời kì tổng thống; sinh viên đối chiếu và so sánh với các đặc trưng xã hội và chính trị Việt Nam

79. Quan hệ kinh tế Hàn – Việt

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Kinh tế Hàn Quốc
- Nội dung môn học: trình bày mối quan hệ kinh tế giữa Hàn Quốc và Việt Nam qua các khía cạnh về đầu tư nước ngoài, quan hệ thương mại, hợp tác về lao động, phát triển du lịch, và lĩnh vực viện trợ,.. của Hàn Quốc đối với Việt Nam; cung cấp cho sinh viên hệ thống lý thuyết về hợp tác kinh tế quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, các kiến thức về quan hệ thương mại và hợp tác lao động giữa hai nước, khả năng phát triển du lịch cũng như viện trợ của Hàn Quốc đối với Việt Nam

80. Chuyên đề Hàn Quốc học (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học:

81. Lịch sử ngoại giao Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Lịch sử Hàn Quốc
- Nội dung môn học: cung cấp các kiến thức cơ bản về những sự kiện quan trọng trong quan hệ giao bang với các nước (đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản và sau này là Mỹ, Triều Tiên) của Hàn Quốc từ thời lập quốc cho đến nay

82. Luật doanh nghiệp

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết về Luật Kinh tế hiện hành áp dụng tại Việt Nam; giới thiệu luật và hệ thống pháp qui dưới luật, điều chỉnh các loại hình kinh doanh tại Việt Nam hiện tại; trình bày những nguyên tắc cơ bản về cơ cấu tổ chức, hoạt động, thủ tục thành lập, sự điều hành, quyền và nghĩa vụ của các thành viên,...

83. Marketing

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing, từ đó phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng

84. Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế chính trị - ngoại giao: làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; tiếp đó, người nghiên cứu phải phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng đó, nghĩa là người nghiên cứu phải thực hiện các thao tác logic trong suốt quá trình nghiên cứu; tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; trình tự logic của nghiên cứu khoa học; các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, đạo đức khoa học;...

85. Quản trị doanh nghiệp

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp cơ bản, quản trị marketing, quản trị nhân sự, quản trị chất lượng

86. Tổng quan về thương mại quốc tế

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: dựa trên cơ sở lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích được nguyên nhân vì sao mậu dịch phát sinh giữa các quốc gia, mô thức thương mại quốc tế thường được áp dụng như thế nào, lợi ích của nó ra sao; hiểu được môi trường hoạt động của thương mại quốc tế; hiểu rõ các xu hướng phát triển chính của thương mại quốc tế ngày nay, nhận thức được lợi ích của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế và liên hệ với trường hợp Việt Nam

87. Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Văn hóa Hàn Quốc và Xã hội Hàn Quốc

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức về bản chất cấu thành văn hóa trong doanh nghiệp; vai trò, ảnh hưởng, chức năng của văn hóa trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp; các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa và những khía cạnh sâu xa của văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp Hàn Quốc; nắm được cơ cấu quản lý, và vận hành trong doanh nghiệp Hàn Quốc, cách hành xử trong doanh nghiệp, lý do văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên bản sắc, và sự thành công của doanh nghiệp

88. Biên phiên dịch tiếng Hàn (chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên: lý thuyết biên & phiên dịch; nắm bắt được loại câu đơn, ghép; hiểu được ngữ cảnh/ văn phong trong từng chủ đề giới thiệu những tình huống chào hỏi, đón tiếp khách, bận hàng, tình huống giao tiếp trong công ty, giới thiệu những mối quan hệ trong công ty, giới thiệu công ty và sản phẩm của công ty...

89. Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình (chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên kỹ năng thuyết trình để có thể trình bày ý tưởng khoa học cho nhiều đối tượng khán giả

90. Biên dịch tiếng Hàn nâng cao (chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Biên phiên dịch tiếng Hàn

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên: lý thuyết biên dịch; nắm bắt được loại câu đơn, ghép; hiểu được ngữ cảnh/ văn phong trong từng chủ đề giới thiệu đất nước - con người - du lịch, chủ đề giới thiệu sản phẩm, chủ đề kinh tế, chủ đề chính trị, chủ đề truyền thông; thông dịch tọa đàm doanh nghiệp, dẫn chương trình, hướng dẫn du lịch

91. Chuyên đề nói tiếng Hàn nâng cao (story telling)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức về story telling và cultural contents; và kỹ năng lý thuyết và thực hành về ứng dụng story telling trong các lĩnh vực kể chuyện, trình diễn, quảng cáo, phim ảnh, phát triển du lịch

92. Chuyên đề Topik (chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4

- Nội dung môn học: rèn luyện cho sinh viên nâng cao khả năng giải một đề thi Topik theo 03 phần đã chia trong Topik gồm: nghe, đọc và viết; qua đó, sinh viên sẽ nâng cao được tốc độ và khả năng nghe, đọc, viết theo những chủ đề chuyên ngành và mang tính xã hội cao hơn, giúp cho sinh viên sau khi vào học những môn chuyên ngành sẽ dễ dàng hiểu hơn

93. Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao (chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Biên phiên dịch tiếng Hàn

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên: lý thuyết phiên dịch; nắm bắt được loại câu đơn, ghép; hiểu được ngữ cảnh/ văn phong trong từng chủ đề giới thiệu đất nước - con

người - du lịch, chủ đề giới thiệu sản phẩm, chủ đề kinh tế, chủ đề chính trị, chủ đề truyền thông; thông dịch tọa đàm doanh nghiệp, dẫn chương trình, hướng dẫn du lịch

94. Phương pháp dạy tiếng

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: cung cấp nền tảng lý luận phương giảng dạy, luyện kỹ năng giảng dạy tiếng nói chung, tiếng Hàn nói riêng cho sinh viên; giới thiệu và phân tích các phương pháp giảng dạy tiếng nói chung và các phương pháp cụ thể cho từng kỹ năng, nội dung như nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp

95. Ứng dụng công nghệ trong dạy và học tiếng Hàn

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết:
- Nội dung môn học: giúp sinh viên nắm được lý luận về ứng dụng CNTT trong dạy và học tiếng Hàn, hiểu được các giai đoạn phát triển trong lịch sử công nghệ giáo dục và các khái niệm liên quan đến việc ứng dụng CNTT trong dạy – học tiếng Hàn và các khái niệm về đào tạo điện tử và bài giảng điện tử, nắm được khái niệm và chức năng của mạng máy tính và Internet, hiểu được các tính năng cơ bản của các phần mềm thiết kế bài giảng như Microsoft Word, Microsoft Powerpoint, Violet, Hotpotatoes, Question Tools

96. Biên phiên dịch tiếng Hàn (chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4
- Nội dung môn học: hoàn thiện kiến thức kỹ năng biên dịch và phiên dịch giữa hai ngôn ngữ Việt Nam và Hàn Quốc; giúp sinh viên hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng biên phiên dịch văn bản chuyên ngành từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại, nhận thức được vai trò của đối chiếu ngôn ngữ trong việc đối dịch

97. Nghiệp vụ thư ký văn phòng

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học:

98. Biên dịch tiếng Hàn nâng cao (chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Biên phiên dịch tiếng Hàn
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên: lý thuyết biên dịch; nắm bắt được loại câu đơn, ghép; hiểu được ngữ cảnh/ văn phong trong từng chủ đề giới thiệu đất nước - con người - du lịch, chủ đề giới thiệu sản phẩm, chủ đề kinh tế, chủ đề chính trị, chủ đề truyền thông; thông dịch tọa đàm doanh nghiệp, dẫn chương trình, hướng dẫn du lịch

99. Chuyên đề Topik (chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4

- Nội dung môn học: rèn luyện cho sinh viên nâng cao khả năng giải một đề thi Topik theo 03 phần đã chia trong Topik gồm: nghe, đọc và viết; qua đó, sinh viên sẽ nâng cao được tốc độ và khả năng nghe, đọc, viết theo những chủ đề chuyên ngành và mang tính xã hội cao hơn, giúp cho sinh viên sau khi vào học những môn chuyên ngành sẽ dễ dàng hiểu hơn

100. Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình (chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên kỹ năng thuyết trình để có thể trình bày ý tưởng khoa học cho nhiều đối tượng khán giả

101. Nghiệp vụ biên tập

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: cung cấp kiến thức về tầm quan trọng của công tác biên tập, đặc thù lao động biên tập trong hoạt động báo chí và xuất bản, các vị trí biên tập trong cơ quan xuất bản, các hoạt động nghiệp vụ trong công tác biên tập, qui trình biên tập, xử lý tin bài, bài dịch, kỹ năng biên tập văn bản, khía cạnh tâm lý trong công tác biên tập; giới thiệu một số phần mềm xử lý văn bản giúp cho công việc biên tập nhanh và hiệu quả hơn

102. Nghiệp vụ du lịch

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý luận, phương pháp luận và những kỹ năng chuyên môn cần thiết để sinh viên có thể làm việc trong ngành lữ hành với tư cách hướng dẫn viên, nhân viên chuyên môn trong doanh nghiệp lữ hành hoặc có thể làm cán bộ nghiên cứu trong các cơ quan du lịch.

103. Nghiệp vụ ngoại giao (chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: là khoa học mang tính tổng hợp, một nghệ thuật của những khả năng, là hoạt động của cơ quan làm công tác đối ngoại và các đại diện có thẩm quyền làm công tác đối ngoại, nhằm thực hiện chính sách đối ngoại của nhà nước, bảo vệ quyền lợi của quốc gia dân tộc ở trong nước và trên thế giới, góp phần giải quyết các vấn đề quốc tế chung bằng những biện pháp hoà bình

104. Nhập môn quan hệ công chúng

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: giới thiệu các hoạt động quan hệ công chúng trong thực tiễn như PR trong nội bộ doanh nghiệp, PR trong công ty cung cấp dịch vụ PR, xây dựng thương hiệu công ty, hình ảnh cá nhân, tổ chức hoạt động tài trợ, tổ chức sự kiện, họp báo, lập kế hoạch PR, quản lý tổ chức thực hiện chương trình PR và đánh giá hiệu quả chương trình PR

105. Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao (chuyên ngành Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Biên phiên dịch tiếng Hàn

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên: lý thuyết phiên dịch; nắm bắt được loại câu đơn, ghép; hiểu được ngữ cảnh/ văn phong trong từng chủ đề giới thiệu đất nước - con người - du lịch, chủ đề giới thiệu sản phẩm, chủ đề kinh tế, chủ đề chính trị, chủ đề truyền thông; thông dịch tọa đàm doanh nghiệp, dẫn chương trình, hướng dẫn du lịch

106. Biên phiên dịch tiếng Hàn (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học

- Nội dung môn học: hoàn thiện kiến thức kỹ năng biên dịch và phiên dịch giữa hai ngôn ngữ Việt Nam và Hàn Quốc; giúp sinh viên hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng biên phiên dịch văn bản chuyên ngành từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại, nhận thức được vai trò của đối chiếu ngôn ngữ trong việc đối dịch

107. Nghiệp vụ ngoại thương

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: trang bị giúp kiến thức về điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), cách soạn thảo các thư tín thương mại trong thương lượng, đàm phán ngoại thương, cách thức xây dựng các điều khoản của một hợp đồng ngoại thương chuẩn bằng tiếng Anh; trang bị cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu với các nghiệp vụ thuê tàu, nghiệp vụ bảo hiểm, thủ tục khai báo hải quan và các phương thức thanh toán quốc tế áp dụng trong ngoại thương

108. Biên dịch tiếng Hàn nâng cao (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Biên phiên dịch tiếng Hàn

- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên: lý thuyết biên dịch; nắm bắt được loại câu đơn, ghép; hiểu được ngữ cảnh/ văn phong trong từng chủ đề giới thiệu đất nước - con người - du lịch, chủ đề giới thiệu sản phẩm, chủ đề kinh tế, chủ đề chính trị, chủ đề truyền thông; thông dịch tọa đàm doanh nghiệp, dẫn chương trình, hướng dẫn du lịch

109. Chuyên đề Topik (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: đã học Tiếng Hàn – Nghe Nói 4, Đọc 4 và Viết 4

- Nội dung môn học: rèn luyện cho sinh viên nâng cao khả năng giải một đề thi Topik theo 03 phần đã chia trong Topik gồm: nghe, đọc và viết; qua đó, sinh viên sẽ nâng cao được tốc độ và khả năng nghe, đọc, viết theo những chủ đề chuyên ngành và mang tính xã hội cao hơn, giúp cho sinh viên sau khi vào học những môn chuyên ngành sẽ dễ dàng hiểu hơn

110. Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên kỹ năng thuyết trình để có thể trình bày ý tưởng khoa học cho nhiều đối tượng khán giả

111. Nghiệp vụ kế toán

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: nguyên lý kế toán trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính

112. Nghiệp vụ ngoại giao (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: là khoa học mang tính tổng hợp, một nghệ thuật của những khả năng, là hoạt động của cơ quan làm công tác đối ngoại và các đại diện có thẩm quyền làm công tác đối ngoại, nhằm thực hiện chính sách đối ngoại của nhà nước, bảo vệ quyền lợi của quốc gia dân tộc ở trong nước và trên thế giới...

113. Nghiệp vụ tài chính ngân hàng

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung môn học: giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng, ngân hàng thương mại, cũng như các nghiệp vụ mà ngân hàng thương mại đang tổ chức thực hiện trong học động thực tế; trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: huy động vốn, cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê tài chính, hoạt động tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại hối, các dịch vụ thanh toán và những nghiệp vụ khác

114. Nghiệp vụ truyền thông báo chí

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: không
- Nội dung môn học: giới thiệu vai trò báo chí truyền thông; hướng dẫn các kỹ năng thiết lập quan hệ với nhà báo; xử lý một số tình huống cơ bản trong giao tiếp với báo chí; viết được thông cáo báo chí gắn với các hoạt động cụ thể

115. Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao (chuyên ngành Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc)

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã học Biên phiên dịch tiếng Hàn
- Nội dung môn học: cung cấp cho sinh viên: lý thuyết phiên dịch; nắm bắt được loại câu đơn, ghép; hiểu được ngữ cảnh/ văn phong trong từng chủ đề giới thiệu đất nước - con người - du lịch, chủ đề giới thiệu sản phẩm, chủ đề kinh tế, chủ đề chính trị, chủ đề truyền thông; thông dịch tọa đàm doanh nghiệp, dẫn chương trình, hướng dẫn du lịch

116. Thực tập thực tế

- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tiên quyết: đã hoàn thành chương trình học của 06 học kỳ
- Nội dung môn học: giúp sinh viên tiếp cận công việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp sau khi đã được học kiến thức chuyên ngành về tiếng Hàn và Hàn Quốc học; sinh viên thực hiện công việc chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn thực tế của đơn vị và của giảng viên trực tiếp phụ trách; sau đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn viết một báo cáo thực tập theo yêu cầu và nội dung của môn học

117. Khóa luận tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 10
- Điều kiện tiên quyết: sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, điểm trung bình tích lũy cho đến học kỳ 6 từ 7.5 trở lên; tiêu chí cụ thể hằng năm do BCN khoa quyết định
- Nội dung môn học: yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học; sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học; sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

Ngô Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Phương Mai